BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B22 (2016 - 2018)

TT	SHS	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán	Tin học ứng dụng	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại dịch vụ	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBC HT (T10)	TBC HT (T04)	TBC TK (T10)	TBC HT (T04)	SỐ MÔN NỢ	GHI CHÚ
						3	2	2	3	3	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3	3	2	3	2	3	5	70	70	75	75		
1	034	2226262039	Nguyễn Thị Lan	Anh	B22KDN	9.6	9.8	8.2	9.2	6.4	8.1	8.0	8.3	9.6	8.8	9.1	7.6	8.7	9.0	7.8	7.5	8.6	8.4	8.3	7.5	8.2	0.0	0.0	8.1	9.1	0.0	0.0	7.45	3.26	6.95	3.26	0	
2	077	2226262040	Võ Thị Hoàng	Anh	B22KDN	8.2	9.2	7.2	8.5	5.5	6.4	6.2	5.6	8.4	7.1	8.2	7.4	6.2	7.3	6.8	7.7	7.8	7.4	7.4	7.9	8.0	0.0	0.0	6.8	7.0	0.0	0.0	6.46	2.68	6.03	2.68	0	
3	080	2226262042	Phạm Lê Thanh	Châu	B22KDN	8.2	7.7	7.5	9.2	6.7	8.1	6.9	5.5	8.5	7.6	8.0	7.2	6.7	8.5	0.0	6.5	8.1	7.8	7.4	7.6	0.0	0.0	0.0	7.8	7.9	0.0	0.0	6.07	2.60	5.66	2.60	2	
4	046	2226262043	Lê Thị Thành	Chung	B22KDN	8.5	9.8	7.7	8.6	9.4	8.8	8.0	7.4	8.6	8.7	8.9	8.6	9.4	9.1	8.9	8.6	8.2	9.0	8.0	9.2	9.6	0.0	0.0	9.1	9.5	0.0	0.0	7.76	3.44	7.25	3.44	0	
5	075	2227262044	Đào Thanh	Hải	B22KDN	7.8	8.8	0.0	0.0	0.0	0.0	5.6	5.8	6.8	8.1	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.85	0.75	1.73	0.75	16	
6	055	2226262046	Đặng Thị Ngọc	Huệ	B22KDN	8.9	9.9	8.0	9.2	7.7	8.2	6.9	8.8	7.4	8.4	8.9	7.4	8.2	0.0	7.5	7.0	5.3	7.5	8.0	8.4	7.9	0.0	0.0	8.8	7.9	0.0	0.0	6.77	2.92	6.32	2.92	1	
7	066	2226262049	Nguyễn Thị Hưng	Huyền	B22KDN	7.5	9.3	7.9	8.8	5.3	7.8	7.5	5.2	8.4	7.6	6.7	7.2	6.4	0.0	6.8	6.6	5.3	7.7	5.1	7.0	8.4	0.0	0.0	7.9	6.7	0.0	0.0	6.00	2.45	5.60	2.45	1	
8	018	2226262051	Nguyễn Thị Bích	Liên	B22QTH	7.1	7.6	7.0	8.1	0.0	0.0	7.4	6.0	8.4	6.7	6.5	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	5.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.96	1.23	2.76	1.23	12	
9	076	2226262052	Dương Thị Nhật	Linh	B22KDN	9.8	10.0	7.2	9.1	9.0	8.0	8.3	8.1	9.3	6.9	9.3	8.0	8.8	9.1	7.9	8.0	6.3	8.4	8.2	8.8	9.1	0.0	0.0	8.9	9.5	0.0	0.0	7.60	3.30	7.09	3.30	0	
10	033	2227262053	Nguyễn	Linh	B22KDN	9.6	9.8	7.4	9.2	9.1	8.1	8.3	8.4	9.0	8.9	9.3	8.4	8.4	8.6	7.9	8.4	9.1	9.2	8.1	8.1	9.1	0.0	0.0	8.7	7.7	0.0	0.0	7.67	3.36	7.16	3.36	0	
11	026	2227262054	Nguyễn Đức	Mạnh	B22KDN	8.3	9.0	7.5	7.2	8.6	7.5	6.8	6.5	9.0	7.9	6.6	6.7	9.0	7.3	6.6	7.5	5.7	7.7	6.3	7.7	7.1	0.0	0.0	6.4	9.0	0.0	0.0	6.59	2.78	6.15	2.78	0	
12	057	2226262055	Nguyễn Thị	Na	B22KDN	7.6	8.9	6.9	7.3	6.4	8.6	7.8	7.5	8.8	5.3	9.2	7.1	6.6	9.6	6.5	8.8	9.8	8.2	8.5	7.9	8.8	0.0	0.0	8.9	7.9	0.0	0.0	7.04	3.02	6.57	3.02	0	
13	064	2227262056	Nguyễn Hữu	Nam	B22KDN	5.9	9.5	0.0	0.0	0.0	0.0	6.9	5.7	7.3	7.2	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.89	0.74	1.76	0.74	16	
14	061	2226262059	Ngô Thị Băng	Tâm	B22KDN	9.5	9.6	8.3	9.0	9.0	8.3	8.5	7.4	9.1	8.6	9.3	8.5	8.9	9.6	6.8	0.0	9.5	8.2	9.0	9.2	9.2	0.0	0.0	9.2	8.1	0.0	0.0	7.51	3.28	7.01	3.28	1	
15	068	2227262061	Võ Minh	Thiện	B22KDN	9.4	9.1	6.4	0.0	5.3	6.9	5.2	0.0	5.7	6.2	7.1	5.7	6.2	6.8	5.3	5.3	5.2	6.9	5.8	6.7	5.5	0.0	0.0	6.0	6.6	0.0	0.0	5.06	1.89	4.72	1.89	2	
16	079	2227262062	Nguyễn Thế	Thuận	B22KDN	8.1	10.0	7.6	9.0	8.3	8.6	8.0	7.2	7.7	6.4	7.5	8.3	7.8	6.7	2.8	7.2	7.0	7.5	6.7	8.0	8.4	0.0	0.0	6.6	6.7	0.0	0.0	6.61	2.79	6.17	2.79	1	
17	031	2226262063	Đoàn Thị Xuân	Trà	B22KDN	9.1	10.0	7.4	9.0	9.7	8.2	6.7	7.7	9.6	5.9	9.0	8.4	8.9	8.7	8.1	7.9	9.2	9.2	9.0	8.8	8.6	0.0	0.0	8.5	7.7	0.0	0.0	7.57	3.29	7.06	3.29	0	
18	060	2226262065	Huỳnh Thị Yến	Trang	B22KDN	7.0	9.3	8.0	8.2	8.7	7.9	8.6	8.4	9.8	7.6	8.4	6.7	9.0	7.2	6.9	9.4	9.3	8.5	8.9	8.6	9.1	0.0	0.0	8.0	8.1	0.0	0.0	7.36	3.22	6.87	3.22	0	
19	073	2227262066	Trần Lê Công	Tùng	B22KDN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.7	4.2	4.2	0.0	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.91	0.30	0.85	0.30	19	
20	032	2226262067	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	B22KDN	9.1	9.9	8.2	9.2	9.0	8.8	7.5	8.5	9.1	9.1	9.5	9.0	8.2	9.1	8.0	8.1	9.4	9.1	9.3	8.9	9.5	0.0	0.0	9.0	9.3	0.0	0.0	7.88	3.46	7.35	3.46	0	
21	054	2226262068	Lê Thị Thanh	Vân	B22KDN	8.6	9.8	7.6	10.0	8.1	8.1	7.7	8.2	8.0	7.0	9.2	6.8	8.8	9.3	7.7	8.3	7.5	8.6	9.1	8.6	0.0	0.0	0.0	8.0	8.0	0.0	0.0	7.04	3.10	6.57	3.10	1	
22	037	2226262069	Thái Thị Ngọc	Vỹ	B22KDN	8.4	9.7	8.3	9.2	8.0	7.3	6.8	6.8	8.9	7.7	9.0	8.9	7.8	8.7	8.1	8.3	8.1	7.9	8.1	8.6	9.0	0.0	0.0	7.6	8.0	0.0	0.0	7.29	3.19	6.80	3.19	0	
13	3	2126252583	Phạm Thị	La	B22KDN	5.9	5.8	6.4	7.0	7.4	8.1	5.3	5.9	4.9	8.0	9.2	6.8	7.7	0.0	7.1	6.0	5.5	8.4	5.7	6.7	7.4	0.0	0.0	7.1	6.7	0.0	0.0	5.72	2.27	5.34	2.27	1	

Đà Nẵng, ngày …… tháng …… năm 2018

NGƯỜI LẬP	KIỂM TRA	VIỆN ĐT E-LEARNING, TX & B2	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SĐH	BAN GIÁM HIỆU
Dương Trương Quốc Khánh	Nguyễn Thị Kim Phượng	TS. Nguyễn Thành Khánh	TS. Nguyễn Phi Sơn	